CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC DU LỊCH

Mã số: 78 10 101

(Ban hành kèm theo Quyết định số 315 /QĐ-ĐHHV ngày 07/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Học phần	Số TC
I	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**	**35**
I.1	Bắt buộc	33
-	Lý luận chính trị	11
-	Ngoại ngữ đại cương	10
-	Tin học đại cương	2
-	Pháp luật đại cương	2
-	Kỹ năng mềm	2
-	Kiến thức Toán, KHTN, KHXH	6
-	Giáo dục thể chất	(90 giờ)
-	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165 giờ)
I.2	Tự chọn (theo lĩnh vực hoặc nhóm ngành)	2
II	**KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH**	**26**
II.1	Bắt buộc	24
II.2	Tự chọn	2
III	**KIẾN THỨC NGÀNH**	**52**
III.1	Bắt buộc	42
III.2	Tự chọn	10
IV	**THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP**	**13**
-	Thực tập 1	3
-	Thực tập 2	5
-	Đề án tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế đề án tốt nghiệp	5
TỔNG:		**126**

2. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	*TH/TN/ TL*	*Tự học*	
I		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**	**35**				
I.1		**Bắt buộc**	**33**				
1	DPT319	Triết học Mác - Lênin	3	30	30	90	
2	DPT220	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	20	20	60	DPT319
3	DPT215	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	20	60	DPT220
4	DPT207	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20	60	DPT215
5	DPT221	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	20	60	DPT207
		Ngoại ngữ đại cương					

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	*TH/TN/ TL*	*Tự học*	
		(Chọn 1 ngoại ngữ)					
6 7 8 9	LCE315	Tiếng Anh 1	3	30	30	90	
	LCE216	Tiếng Anh 2	2	20	20	60	
	LCE317	Tiếng Anh 3	3	30	30	90	
	LCE218	Tiếng Anh 4	2	20	20	60	
	LCC350	Tiếng Trung 1	3	30	30	90	
	LCC251	Tiếng Trung 2	2	20	20	60	
	LCC252	Tiếng Trung 3	2	20	20	60	
	LCC353	Tiếng Trung 4	3	30	30	90	
6 7 8	JAP401	Tiếng Nhật 1	4	45	30	125	
	JAP402	Tiếng Nhật 2	4	45	30	125	
	JAP203	Tiếng Nhật 3	2	20	20	60	
10	PHE101	Giáo dục thể chất 1	(1)				
11	PHE102	Giáo dục thể chất 2	(1)				
12	PHE103	Giáo dục thể chất 3	(1)				
13	NDE801	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165T)				
14	CPS201	Tin học đại cương	2	10	40	50	
15	PSY234	Kỹ năng mềm	2	15	30	55	
16	DPT213	Pháp luật đại cương	2	20	20	60	
17	TAC202	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	20	20	60	
18	GEO201	Môi trường và phát triển bền vững	2	20	20	60	
19	BAD239	Đại cương về quản trị kinh doanh	2	20	20	60	
I.2		**Tự chọn** *(Chọn 1 học phần)*	**2**				
20	HIS202	Lịch sử văn minh thế giới	2*	20	20	60	
	HIS203	Đại cương lịch sử Việt Nam	2*	20	20	60	
	PHI204	Cơ sở ngôn ngữ văn tự Hán Nôm	2*	20	20	60	
	DPT204	Logic học đại cương	2*	20	20	60	
II		**KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH**	**26**				
II.1		**Bắt buộc**	**24**				
21	TAC306	Tổng quan du lịch	3	30	30	90	
22	TAC207	Pháp luật du lịch	2	20	20	60	
23	ECO228	Kinh tế du lịch 1	2	20	20	60	
24	GEO354	Địa lí du lịch	3	30	30	90	
25	BAD263	Quản trị Marketing du lịch	2	20	20	60	
26	TAM214	Phương pháp NCKH chuyên ngành Du lịch	2	20	20	60	
27	TAC208	Tâm lí và giao tiếp ứng xử trong du lịch	2	20	20	60	
28	BAD240	Quản trị nguồn nhân lực du	2	20	20	60	

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	*TH/TN/ TL*	*Tự học*	
		lịch					
29	GET231	Tiếng Anh thư tín thương mại	2	20	20	60	
30	TAM201	Tổ chức sự kiện	2	20	20	60	
31	BAD256	Khởi nghiệp	2	20	20	60	
II.2		**Tự chọn** *(Chọn 1 học phần)*	**2**				
32	TAC204	Nghiệp vụ văn phòng	2*	20	20	60	
	TAC205	Lịch sử văn hóa địa phương	2*	20	20	60	
	TAM202	Thương mại điện tử trong du lịch	2*	20	20	60	
III		**KIẾN THỨC NGÀNH**	**52**				
III.1		**Bắt buộc**	**42**				
33	TAC309	Tuyến, điểm du lịch	3	30	30	90	
34	TAC220	Nghiệp vụ Lễ tân	2	20	20	60	
35	TAM203	Nghiệp vụ Buồng	2	20	20	60	
36	TAM204	Nghiệp vụ Nhà hàng	2	20	20	60	
37	TAC391	Thực hành nghiệp vụ khách sạn	3	10	70	70	
		Chọn 1 ngoại ngữ					
38	TAC379	Tiếng Anh du lịch 1	3	30	30	90	
	TAC380	Tiếng Anh du lịch 2	3	30	30	90	
39	LCC372	Tiếng Trung du lịch 1	3	30	30	90	
	LCC373	Tiếng Trung du lịch 2	3	30	30	90	
40	TAC314	Quản trị kinh doanh lưu trú	3	30	30	90	
41	TAC243	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2	20	20	60	
42	TAC351	Quản trị sự kiện	3	30	30	90	
43	TAC250	PR và truyền thông sự kiện	2	20	20	60	
44	TAM205	Quản trị quan hệ khách hàng	2	20	20	60	
45	TAM206	Thực tế chuyên ngành Du lịch 1	2	6	48	46	
46	TAM207	Thực tế chuyên ngành Du lịch 2	2	6	48	46	
47	TAM208	Quản trị chất lượng dịch vụ	2	20	20	60	
48	TAC216	Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	2	20	20	60	
49	TAM215	Kiến tập cơ sở	2	20	20	60	
50	TAM216	Quản trị dự án du lịch	2	20	20	60	
III.2		**Tự chọn** *(Chọn 5 học phần)*	**10**				
51	TAM209	Kĩ năng chế biến bánh và món ăn tráng miệng	2*	20	20	60	
52	TAC227	Kĩ năng pha chế đồ uống cơ bản	2*	20	20	60	
53	TAC226	Văn hóa ẩm thực	2*	20	20	60	

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	*TH/TN/ TL*	*Tự học*	
54	TAM217	Hoạt náo và diễn giảng công cộng	2*	20	20	60	
	TAM218	Quản trị du lịch MICE	2*	20	20	60	
55	TAM210	Quản trị thương hiệu	2*	20	20	60	
	TAC223	Kĩ năng giám sát nghiệp vụ	2*	20	20	60	
	TAM211	Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	2*	20	20	60	
	TAM212	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2*	20	20	60	
	TAM213	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	2*	20	20	60	
IV		**THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP**	**13**				
56	TAC335	Thực tập 1	3		90	60	
57	TAC536	Thực tập 2	5		150	100	
58	TAM519	Đề án tốt nghiệp	5		150	100	
		Học phần chuyên môn thay thế Đề án tốt nghiệp	**5**				
59	TAM320	Chuyên đề phục vụ trong khách sạn, nhà hàng	3	30	30	90	
60	TAC239	Chuyên đề kinh doanh khách sạn	2	20	20	60	
Tổng:			**126**				